

TỜ TRÌNH

Về việc xin chủ trương đầu tư dự án “Chỉnh lý và số hoá tài liệu lưu trữ của Văn phòng UBND tỉnh Quảng Trị”

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị

Căn cứ Luật Công nghệ Thông tin ngày 29/6/2006;

Căn cứ Luật Lưu trữ ngày 11/11/2011;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 01/2013/NĐ-CP ngày 03/01/2013 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lưu trữ; số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 về công tác văn thư;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Nội vụ: số 03/2010/TT-BNV ngày 29/04/2010 về quy định định mức kinh tế - kỹ thuật chỉnh lý tài liệu giấy; số 04/2014/TT-BNV ngày 23/06/2014 của Bộ Nội vụ về Quy định định mức kinh tế - kỹ thuật tạo lập cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ; số 16/2014/TT-BNV ngày 20/11/2014 về hướng dẫn giao, nhận tài liệu lưu trữ vào lưu trữ lịch sử các cấp; số 02/2019/TT-BNV ngày 24/01/2019 của Bộ Nội vụ quy định tiêu chuẩn dữ liệu thông tin đầu vào và yêu cầu bảo quản tài liệu lưu trữ điện tử;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Thông tin và Truyền thông: số 03/2020/TT-BTTTT ngày 24/2/2020 quy định về lập đề cương và dự toán chi tiết đối với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước; số 04/2020/BTTTT ngày 24/2/2020 quy định về lập và quản lý chi phí dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Quyết định số 458/QĐ-TTg ngày 03/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Lưu trữ tài liệu điện tử của các cơ quan nhà nước giai đoạn 2020-2025”;

Căn cứ Quyết định số 310/QĐ-VTLTNN ngày 21/12/2012 của Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước ban hành Quy trình tạo lập cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành đề án chuyển đổi số tỉnh Quảng Trị đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1976/QĐ-UBND ngày 31/8/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành Đề án giải quyết tài liệu tồn đọng tại các cơ quan, tổ chức thuộc tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2 (2023-2028);

Thực hiện Kế hoạch số 3535/KH-UBND ngày 04/08/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị về thực hiện Đề án Lưu trữ tài liệu điện tử của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2020-2025; Kế hoạch số 5980/KH-UBND ngày 28/12/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc triển khai thực hiện Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025;

Văn phòng UBND tỉnh kính báo cáo UBND tỉnh và đề xuất chủ trương chính lý và số hóa tài liệu tại Văn phòng UBND tỉnh như sau:

Hiện nay, Văn phòng UBND tỉnh Quảng Trị đang lưu giữ các hồ sơ, tài liệu được hình thành trong quá trình hoạt động của cơ quan từ năm 2010 đến năm 2021. Thành phần tài liệu chủ yếu là các tài liệu hành chính đã được sắp xếp khoa học và bảo quản theo đúng quy định trong Kho Lưu trữ của Văn phòng UBND tỉnh. Tuy nhiên, còn nhiều hồ sơ và tài liệu hiện chưa được chỉnh lý hoàn chỉnh và chưa được quét, nhập liệu các trường thông tin mô tả tài liệu (số hóa). Tài liệu lưu trữ nêu trên bao gồm bản chính, bản gốc, bản sao của các hồ sơ, tài liệu của Văn phòng UBND tỉnh Quảng Trị. Nếu số tài liệu này bị huỷ hoại do các thảm họa thiên nhiên hoặc do các tác nhân khác thì sẽ vĩnh viễn bị mất, không thể phục hồi được. Mặt khác, tài liệu lưu trữ có ý nghĩa quan trọng trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, an ninh quốc phòng và văn hóa xã hội cần được quản lý thống nhất, hiệu quả để phục vụ các hoạt động quản lý của Nhà nước và các nhu cầu xã hội theo quy định của pháp luật. Vì vậy việc chỉnh lý, số hoá tài liệu lưu trữ của Văn phòng UBND tỉnh Quảng Trị trên là việc hết sức cần thiết.

Trên cơ sở đó, Văn phòng UBND tỉnh kính đề nghị UBND tỉnh những nội dung như sau:

1. UBND tỉnh đồng ý chủ trương chỉnh lý và số hoá tài liệu lưu trữ của Văn phòng UBND tỉnh Quảng Trị giai đoạn từ năm 2010-2021.

2. Trước mắt, UBND tỉnh đồng ý cho phép thực hiện dự án:

- Chỉnh lý và số hóa hồ sơ, tài liệu giai đoạn từ năm 2015-2016.

- Chỉnh lý và số hóa tập lưu Quyết định của UBND tỉnh (Quyết định cá biệt và Quyết định quy phạm pháp luật) giai đoạn từ năm 2017-2021.

3. Đối với tài liệu những năm còn lại, Văn phòng UBND tỉnh sẽ tiếp tục triển khai theo chủ trương của UBND tỉnh để phục vụ hoạt động của UBND tỉnh.

4. Chủ đầu tư: **Văn phòng UBND tỉnh Quảng Trị**

5. Quy mô đầu tư dự án:

+ Hồ sơ, tài liệu lưu trữ giai đoạn từ năm 2015 - 2016: 20,1 mét tài liệu

+ Tập lưu Quyết định của UBND tỉnh: 17,6 mét tài liệu (Trong đó số hoá 17,6 mét giá, chỉnh lý 9,8 mét giá)

Tổng mức đầu tư dự kiến: 1.197.227.791 (Một tỷ một trăm chín mươi bảy triệu hai trăm hai mươi bảy nghìn bảy trăm chín mươi một đồng)

Nguồn kinh phí thực hiện: Kinh phí chuyển đổi số của tỉnh

Thời gian thực hiện: 2023 - 2024.

(Có phương án chi tiết kèm theo)

Văn phòng UBND tỉnh trân trọng kính đề nghị UBND tỉnh Quảng Trị xem xét đồng ý chủ trương với đề xuất trên để Văn phòng UBND tỉnh triển khai các bước tiếp theo./.

Nơi nhận :

- Như trên;
- Sở Nội vụ;
- Sở Tài chính;
- CVP UBND tỉnh (b/cáo);
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng QT-TV;
- Trường phòng HCTC;
- Lưu: VT, HCTC_{Th}.

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Lê Hữu Phước

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT

**Chỉnh lý và số hoá hồ sơ, tài liệu lưu trữ giai đoạn từ năm 2015 - 2016
Và tập lưu Quyết định (cá biệt), Quyết định QPPL năm 2010-2021**

(Kèm theo Tờ trình số **509** Tr-VP ngày **22** tháng **9** năm 2023 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)



| TT | HẠNG MỤC | ĐVTV | KHỐI LƯỢNG | ĐƠN GIÁ | GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ | THÀNH TIỀN SAU THUẾ | GHI CHÚ |
|----|--|-------|------------|-----------|----------------------|----------------------|---|
| I | CHI PHÍ CHỈNH LÝ, SỐ HÓA TÀI LIỆU | | | Gdl | 1.039.863.569 | 1.123.052.655 | |
| 1 | Chi phí chỉnh lý hồ sơ, tài liệu 2015 -2016 | Mét | 20,1 | 7.114.190 | 142.995.219 | 154.434.837 | Lập dự toán theo định mức tại Quyết định số 1976/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2023 |
| | Văn phòng phẩm chỉnh lý hồ sơ, tài liệu 2015 -2016 | Mét | 20,1 | 1.174.915 | 23.615.792 | 25.505.055 | |
| 2 | Chi phí số hóa hồ sơ, tài liệu 2015 -2016 | Trang | 100,500 | | 349.179.121 | 377.113.451 | Lập dự toán theo định mức tại Quyết định số 1976/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2023 |
| | Văn phòng phẩm số hóa hồ sơ, tài liệu 2015-2016 | Trang | 100,500 | 345,37 | 34.710.051 | 37.486.855 | |

| TT | HẠNG MỤC | ĐVTV | KHỐI LƯỢNG | ĐƠN GIÁ | GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ | THÀNH TIỀN SAU THUẾ | GHI CHÚ |
|------------|---|-------|------------|--------------|--------------------|---------------------|------------------|
| 3 | Chi phí chỉnh lý tập lưu Quyết định (cá biệt) và Quyết định QPPL 2017-2021 | Mét | 9,8 | 7.114.190 | 69.719.062 | 75.296.587 | |
| | Văn phòng phẩm chỉnh lý tập lưu Quyết định (cá biệt) và Quyết định QPPL 2017-2021 | Mét | 9,8 | 1.174.915 | 11.514.167 | 12.435.300 | |
| 4 | Chi phí số hóa lưu Quyết định (cá biệt) và Quyết định QPPL 2010-2021 | Trang | 130,889 | | 362.924.548 | 391.958.512 | |
| | Văn phòng phẩm số hóa tập lưu Quyết định (cá biệt) và Quyết định QPPL 2010-2021 | Trang | 130,889 | 345,37 | 45.205.610 | 48.822.059 | |
| II | CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN | | | | 29.209.768 | 31.546.549 | QĐ 1688/QĐ-BTTTT |
| 1 | Chi phí quản lý hạng mục chỉnh lý, số hóa tài liệu | | | 2.809% x Gdl | 29.209.768 | 31.546.549 | |
| III | CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ | | | | | 31.479.166 | |
| 1 | Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu | | | | | 2.246.105 | |

| TT | HẠNG MỤC | ĐVTV | KHỐI LƯỢNG | ĐƠN GIÁ | GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ | THÀNH TIỀN SAU THUẾ | GHI CHÚ |
|----------|---|------|------------|------------------------------|--------------------|----------------------|-------------------------|
| 1.1 | Chi phí lập hồ sơ mời thầu hạng mục chính lý, số hóa tài liệu | | | 0.1% x Gdl | 1.039.864 | 1.123.053 | Nghị định 63/2014/NĐ-CP |
| 1.2 | Chi phí đánh giá hồ sơ dự thầu hạng mục chính lý, số hóa tài liệu | | | 0.1% x Gdl | 1.039.864 | 1.123.053 | |
| 2 | Chi phí giám sát thi công | | | | 27.067.649 | 29.233.061 | |
| 2.1 | Chi phí giám sát thi công hạng mục chính lý, số hóa tài liệu | | | 2.603% x Gdl | 27.067.649 | 29.233.061 | QĐ 2378/QĐ-BTTTT |
| V | CHI PHÍ KHÁC | | | | 9.358.772 | 11.149.421 | |
| 1 | Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu | | | 0.05% x Gdl | 519.932 | 1.000.000 | Nghị định 63/2014/NĐ-CP |
| 2 | Chi phí thẩm định kết quả LCNT | | | 0.05% x Gdl | 519.932 | 1.000.000 | Nghị định 63/2014/NĐ-CP |
| 3 | Chi phí thẩm định giá | | | 1.3% x Gdl | 8.318.909 | 8.984.421 | Báo giá thẩm định giá |
| 4 | Chi phí đăng tin đấu thầu | | | | 165.000 | 165.000 | |
| | TỔNG MỨC ĐẦU TƯ | | | TMĐT = I+II+III+IV +V | | 1.197.227.791 | |